TAND TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 20 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 04/6/2019
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: **Bà Lê Thị Hồng Tâm**
Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thu Ba
2. Ông Nguyễn Phước Lộc

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Hà** – Thư ký Toà án huyện Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: **Ông Hoàng Văn Thái –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P Q, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2018, về việc: "***Xin ly hôn***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST–HNGĐ, ngày 16/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Đ**, sinh năm: 1973 (có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Chí T,** sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ A, khu phố A, thị trấn A T, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:

Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Chí T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, chung sống vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có với nhau một người con chung là Cháu Nguyễn Chí Th, sinh năm 1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2000 cho đến nay anh Nguyễn Chí T hay cờ bạc, không lo cho cuộc sống gia đình, chị Đ đã khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi mà còn đánh đập chị Đ. Ngoài ra thời gian gần đây anh T có biểu hiện ngoại tình, khiến chị Đ suy sụp về tinh thần. Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày thêm nghiêm trọng, nên hai người đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Nay chị Đ xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh T

- Về con chung: Cháu Nguyễn Chí Th, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Chí T*** vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên tại biên lấy lời khai ngày 15/02/2019 và biên bản hòa giải ngày 27/02/2019 anh Nguyễn Chí T trình bày: anh và chị Lê Thị Đ tự nguyện yêu thương tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn anh T làm chung với con gái riêng của chị Đ tên Nguyễn Thị Thùy Tr, do mâu thuẫn trong công việc nên chị Tr thường xuyên xúc phạm anh T, và Chị Đ nghe lời chị Tr đã dẫn đến mâu thuẫn với anh T. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắng nên anh thống nhất chấm dứt hôn nhân với chị Đ.

Về con chung: Cháu Nguyễn Chí Th, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật; tại phiên tòa có sự thay đổi Hội thẩm nhân dân, Thẩm phán đã giải thích việc thay thế Hội thẩm dự khuyết các đương sự thống nhất và đồng ý tiếp tục xét xử. Đối với anh T là bị đơn trong vụ án, khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Chí T là phù hợp với quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của chị Lê Thị Đ về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Chí T cũng được anh T đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng vì giữa anh T và chị Đ không có đăng ký kết hôn, về tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh T không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không thể hàn gắng. Do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Đ và anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Chí Th, sinh năm 1997 đã trưởng thành Chị Đ, anh T không yêu cầu giải quyết, đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Đ và anh T không yêu cầu giải quyết, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Chí T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án nhân dân huyện P Q tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Nguyễn Chí T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Chí T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1995, hai người có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống như vợ chồng là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Đ có đơn xin ly hôn với anh T và anh T cũng thống nhất ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Chí T là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị Đ và anh T có một người con chung là cháu Nguyễn Chí Th, sinh năm 1997 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35,147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Chí T là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Chí Th, sinh năm 1997 đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu giải quyết, HĐXX miễn xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Chí T, không yêu cầu giải quyết, HĐXX miễn xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P Q, theo lai thu số 0008143 ngày 06/12/2018.

Anh Nguyễn Chí T không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh T vắng mặt tại phiên Tòa nên được quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Hồng Tâm